

BÀI 5. PHÉP CHIA ĐA THỨC MỘT BIẾN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép chia đơn thức cho đơn thức; chia đa thức cho đơn thức và chia đa thức cho đa thức.
- Vận dụng được phép chia đơn thức, đa thức trong tính toán và giải quyết các bài tập liên quan đến thực tế.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá
- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

Năng lực riêng:

- Góp phần tạo cơ hội để HS phát triển một số NL toán học như: NL tư duy và lập luận toán học; NL giải quyết vấn đề toán học; NL mô hình hóa toán học.
- Thông qua các thao tác như xác định được cách thức, thực hiện được việc chia đơn thức cho đơn thức, chia đa thức cho đơn thức, chia đa thức một biến đã sắp xếp, ... là cơ hội góp phần để HS hình thành NL giải quyết vấn đề toán học.
- Thông qua các thao tác như tính số sản phẩm mà công ty đã bán được theo x khi biết doanh thu và giá ban đầu (bài tập 5), ... là cơ hội góp phần để HS hình thành NL mô hình hoá toán học.

3. Phẩm chất

- Có ý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.
- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với GV: SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án, đồ dùng dạy học.

2. Đối với HS: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú, thu hút HS tìm hiểu nội dung bài học.

b) Nội dung: HS đọc tình huống mở đầu, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS đọc tình huống mở đầu:

Trong quá trình biến đổi và tính toán những biểu thức đại số, nhiều khi ta phải thực hiện phép chia một đa thức (một biến) cho một đa thức (một biến) khác, chẳng hạn ta cần thực hiện phép chia sau: $(x^3 + 1) : (x^2 - x + 1)$.

Làm thế nào để thực hiện được phép chia một đa thức cho một đa thức khác?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: **Bài 5: Phép chia đa thức một biến.**

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Chia đơn thức cho đơn thức

a) Mục tiêu:

- HS thực hiện được phép chia đơn thức cho đơn thức.

b) Nội dung:

HS đọc SGK, nghe giảng, thực hiện các nhiệm vụ được giao, suy nghĩ trả lời câu hỏi, thực hiện các hoạt động, luyện tập.

c) Sản phẩm: HS hình thành được kiến thức bài học, câu trả lời của HS cho các câu hỏi, cho HĐ1, LT1.

d) Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành HĐ1: HS sử dụng vốn kiến thức đã biết của HS là tính chất chia hai lũy thừa cùng cơ số: ý a tính $x^5 : x^3$ với hệ số đều bằng 1; ý b tính $(4x^3) : x^2$ có hệ số khác 1. + GV đặt câu hỏi: <i>Để tính $(4x^3) : x^2$, chúng ta đã thực hiện những bước gì?</i> Tương tự HS thực hiện tính ý c. - GV hướng dẫn HS khái quát các bước đã thực hiện ở hoạt động 1b, 1c từ đó hình thành các bước chia hai đơn thức một biến trong trường hợp tổng quát. Bên cạnh việc phát biểu bằng lời, SGK trình bày cách phát biểu bằng biểu thức toán học. - GV đưa ra chú ý công thức của $(ax^m) : (bx^n)$. - HS thực hiện Ví dụ 1: ý a với hệ số, số mũ cụ thể; ý b với hệ số cụ thể và số mũ chứa ẩn. + GV đặt câu hỏi: <i>Để chia hai đơn thức này chúng ta thực hiện những bước nào?</i> - HS thực hiện LT1, trong phép chia, các đơn thức có hệ số âm, hệ số thập phân và số mũ phức tạp hơn VD1 để nhằm giúp HS linh hoạt hơn trong việc tính toán. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, thảo luận nhóm. - GV quan sát hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.	I. Chia đơn thức cho đơn thức HĐ1: a) $x^5 : x^3 = x^{5-3} = x^2$. b) $(4x^3) : x^2 = 4 \cdot x^3 : x^2$ $= 4 \cdot x^{3-2} = 4x$. c) $(ax^m) : (bx^n) = \frac{ax^m}{bx^n} = \frac{a}{b} \cdot \frac{x^m}{x^n}$ $= (a : b) \cdot x^{m-n}$ $(a \neq 0; b \neq 0; m, n \in \mathbb{N}; m \geq n)$. Kết luận: Muốn chia đơn thức A cho đơn thức $B (B \neq 0)$ khi số mũ của biến trong A lớn hơn hoặc bằng số mũ của biến đó trong B, ta làm như sau: - Chia hệ số của đơn thức A cho hệ số của đơn thức B; - Chia lũy thừa của biến trong A cho lũy thừa của biến đó trong B; - Nhân các kết quả vừa tìm được với nhau. Chú ý: $(ax^m) : (bx^n) = \frac{a}{b} \cdot (x^m : x^n)$ $= \frac{a}{b} \cdot x^{m-n}$ $(a \neq 0; b \neq 0; m, n \in \mathbb{N}; m \geq n)$ Ví dụ 1 (SGK- tr64) LT1: a) $(3x^6) : (0,5x^4) = (3 : 0,5) \cdot (x^6 : x^4)$ $= 6x^2$. b) $(-12x^{m+2}) : (4x^{n+2})$

$$= -3 \cdot x^{m+2-n-2} = -3x^{m-n}.$$

Hoạt động 2: Chia đa thức cho đơn thức

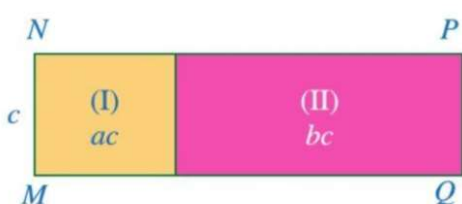
a) Mục tiêu:

- HS thực hiện được phép chia đa thức cho đa thức.

b) Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV, chú ý nghe giảng, thực hiện các hoạt động, luyện tập.

c) Sản phẩm: HS hình thành được kiến thức bài học, câu trả lời của HS cho các câu hỏi, cho HĐ2, 3, LT2.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành HĐ2: HS quan sát hình chữ nhật đã biết diện tích và độ dài một cạnh, cần nêu cách tính độ dài cạnh còn lại. + GV đặt câu hỏi: <i>Việc tính NP có thể thực hiện bằng mấy cách?</i> (2 cách). - Kết quả đó HĐ2 giải thích một quy tắc đã biết: Muốn chia một tổng cho một số, ta chia từng số hạng của tổng cho số đó rồi cộng các thương với nhau. + GV cho HS nêu công thức tổng quát $(A + B) : C$, $(A - B) : C$ - HS thực hiện HĐ3: ý a là chia từng đơn thức (của biến x) có trong đa thức P(x) cho đơn thức Q(x), ý b cộng các thương tìm được. - GV hướng dẫn HS khái quát các bước đã thực hiện ở Hoạt động 3, từ đó hình thành các bước chia đa thức cho đơn thức trong trường hợp tổng quát. - GV cho HS thực hiện Ví dụ 2: trong ví dụ này, các hệ số nguyên và dễ thực hiện kết quả để HS không gặp khó khăn trong việc chia số. + GV đặt câu hỏi: <i>Để chia đa thức cho đơn thức, chúng ta thực hiện những bước nào?</i> - HS thực hiện LT2. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, suy nghĩ trả lời câu hỏi, hoàn thành các yêu cầu. - GV: quan sát và trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.	II. Chia đa thức cho đơn thức HĐ2:  <i>Hình 6</i> a) Độ dài cạnh kề với MN của hình chữ nhật (I) là A: $c = ac : c = a$. Độ dài cạnh kề với PQ của hình chữ nhật (II) là B: $c = bc : c = b$. Khi đó $NP = a + b$. b) Diện tích MNQP bằng tổng diện tích hai hình chữ nhật (I) và (II) bằng $ac + bc$. Khi đó độ dài NP là thương trong phép chia diện tích hình chữ nhật MNQP cho MN. Hay $NP = (ac + bc) : c = (A + B) : c$. Mà $NP = a + b = A : c + B : c$. Do đó $(A + B) : c = A : c + B : c$. Chú ý: $(A + B) : C = A : C + B : C$ $(A - B) : C = A : C - B : C$ HĐ3: a) $4x^2 : 2x = (4 : 2) \cdot (x^2 : x) = 2x.$ $3x : 2x = (3 : 2) \cdot (x : x) = \frac{3}{2}$ b) $4x^2 : 2x + 3x : 2x = 2x + \frac{3}{2}$ Kết luận: Muốn chia đa thức P cho đơn thức Q ($Q \neq 0$) khi số mũ của biến ở mỗi đơn thức của P lớn hơn hoặc bằng số mũ của biến đó trong Q, ta chia mỗi đơn thức của đa thức P cho đơn thức Q rồi cộng các thương với nhau.

	Ví dụ 2 (SGK- tr65) LT2: $\left(\frac{1}{2}x^4 - \frac{1}{4}x^3 + x\right) : \left(\frac{-1}{8}x\right)$ $= \left(\frac{1}{2}x^4 : \frac{-1}{8}x\right) - \frac{1}{4}x^3 : \left(\frac{-1}{8}x\right) + \left(x : \frac{-1}{8}x\right)$ $= -4x^3 + 2x^2 - 8$
--	--

Hoạt động 3: Chia đa thức một biến đã sắp xếp

a) Mục tiêu:

- Học sinh được hướng dẫn cách chia đa thức một biến đã sắp xếp.

b) Nội dung:

- Thực hiện phép tính chia HĐ 4.

c) Sản phẩm:

- Kết quả phép chia HĐ 4.

Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung				
* GV giao nhiệm vụ học tập ? Phép chia đa thức cho đơn thức ta đã học ở tiết trước, vậy phép chia đa thức cho đa thức ta thực hiện như thế nào? - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện hai phép chia HĐ 4. + Lấy $2x^2$ chia cho $2x$ ta được thương là x. + Nhân $x(2x+1) = 2x^2 + x$. Lấy $(2x^2 + 5x + 2) - (2x^2 + x) = 4x + 2$ Tiếp tục quá trình trên đến dư bằng 0 dừng. + Lấy $3x^3$ chia cho x^2 được thương $3x$. + Nhân $3x(x^2 + 1) = 3x^3 + 3x$. Lấy $(3x^3 - 5x^2 + 2) - (3x^3 + 3x) = -5x^2 - 3x + 2$ Tiếp tục quá trình trên đến khi nhận được đa thức $-3x + 7$ có bậc nhỏ hơn bậc của đa thức chia ta dừng lại. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát. * Báo cáo, thảo luận	HĐ 4 : Thực hiện phép chia : a) $(2x^2 + 5x + 2) : (2x + 1)$ b) $(3x^3 - 5x^2 + 2) : (x^2 + 1)$ BL: a) <table border="1"> <tr> <td> $\begin{array}{r} 2x^2 + 5x + 2 \\ \underline{2x^2 + x} \\ 4x + 2 \\ \underline{4x + 2} \\ 0 \end{array}$ </td><td> $\begin{array}{r} 2x + 1 \\ \hline x + 2 \end{array}$ </td></tr> </table> Vậy $(2x^2 + 5x + 2) : (2x + 1) = x + 2$ b) <table border="1"> <tr> <td> $\begin{array}{r} 3x^3 - 5x^2 + 2 \\ \underline{3x^3 + 3x} \\ -5x^2 - 3x + 2 \\ \underline{-5x^2 - 5} \\ -3x + 7 \end{array}$ </td><td> $\begin{array}{r} x^2 + 1 \\ \hline 3x - 5 \end{array}$ </td></tr> </table> Vậy $(3x^3 - 5x^2 + 2) : (x^2 + 1) = 3x - 5$ đư $-3x + 7$.	$\begin{array}{r} 2x^2 + 5x + 2 \\ \underline{2x^2 + x} \\ 4x + 2 \\ \underline{4x + 2} \\ 0 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2x + 1 \\ \hline x + 2 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3x^3 - 5x^2 + 2 \\ \underline{3x^3 + 3x} \\ -5x^2 - 3x + 2 \\ \underline{-5x^2 - 5} \\ -3x + 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} x^2 + 1 \\ \hline 3x - 5 \end{array}$
$\begin{array}{r} 2x^2 + 5x + 2 \\ \underline{2x^2 + x} \\ 4x + 2 \\ \underline{4x + 2} \\ 0 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2x + 1 \\ \hline x + 2 \end{array}$				
$\begin{array}{r} 3x^3 - 5x^2 + 2 \\ \underline{3x^3 + 3x} \\ -5x^2 - 3x + 2 \\ \underline{-5x^2 - 5} \\ -3x + 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} x^2 + 1 \\ \hline 3x - 5 \end{array}$				

Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung
- HS dự đoán cách thực hiện phép chia theo ý hiểu và sự chuẩn bị bài trước. - HS nêu những thắc mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện phép chia. * Kết luận, nhận định - Cách đặt phép tính và thực hiện phép chia.	Hay $(3x^3 - 5x^2 + 2)$ $= (x^2 + 1)(3x - 5) - 3x + 7$

Hoạt động 2.2: Quy tắc chia đa thức một biến đã sắp xếp(5 phút)

a) **Mục tiêu:** Học sinh phát biểu được quy tắc chia đa thức một biến đã sắp xếp.

b) **Nội dung:** Quy tắc chia đa thức một biến đã sắp xếp.

c) **Sản phẩm:** Nội dung quy tắc.

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
* GV giao nhiệm vụ học tập - Từ kết quả HĐ 4 hãy phát biểu quy tắc chia đa thức một biến đã sắp xếp. - Trả lời câu hỏi: ? Trước khi chia một đa thức cho một đa thức ta phải làm gì? ? Khi nào phép chia thực hiện được? * HS thực hiện nhiệm vụ - HS nghiên cứu SGK phát biểu quy tắc - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi. * Báo cáo, thảo luận - HS đứng tại chỗ nêu quy tắc. - HS đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi. - HS khác theo dõi nhận xét. * Kết luận, nhận định - Quy tắc (SGK). - Trước khi chia một đa thức cho một đa thức ta phải sắp xếp các đa thức theo số mũ giảm dần của biến. Phép chia thực hiện được khi bậc của đa thức bị chia <i>lớn hơn hoặc bằng</i> bậc của đa thức chia.	* Quy tắc : Để chia một đa thức cho một đa thức khác đa thức không (cả 2 đa thức đều đã thu gọn và sắp xếp các đơn thức theo số mũ giảm dần của biến) khi bậc của đa thức bị chia lớn hơn hoặc bằng bậc của đa thức chia, ta làm như sau : <i>Bước 1 :</i> Chia đơn thức bậc cao nhất của đa thức bị chia cho đơn thức bậc cao nhất của đa thức chia. Nhân kết quả trên với đa thức chia và đặt tích dưới đa thức bị chia sao cho hai đơn thức có cùng số mũ của biến ở cùng cột. Lấy đa thức bị chia trừ đi tích đặt dưới để được đa thức mới. <i>Bước 2 :</i> Tiếp tục quá trình trên cho đến khi nhận được đa thức không hoặc đa thức có bậc nhỏ hơn bậc của đa thức chia.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (19 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố cách chia đa thức một biến đã sắp xếp. HS hiểu và thực hiện được phép chia đa thức một biến,

b) **Nội dung:** Các dạng bài tập thường gặp.

c) **Sản phẩm:** Phương pháp giải các dạng bài tập và lời giải bài tập minh họa.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung																							
* GV giao nhiệm vụ học tập - HS hoạt động nhóm đôi làm bài 1. - HS trả lời câu hỏi: ? Khi chia đa thức A cho đa thức B của cùng một biến, có những khả năng nào xảy ra? ? Khi nào phép chia đa thức A cho đa thức B được gọi là phép chia hết, phép chia có dư? * HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm thực hiện phép tính. - GV giúp đỡ HS khi HS gặp khó khăn. * Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2 nhóm bất kì, mỗi HS trình bày lời giải 1 ý. - HS dưới lớp đổi bài cho nhau để kiểm tra, thảo luận. - Nhận xét bài trên bảng. - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. Bổ sung nếu cần. + Các khả năng xảy ra: phép chia hết, phép chia có dư. + Phép chia hết khi dư bằng 0, chia có dư khi dư khác 0. * Kết luận, nhận định - Lời giải cho bài tập 1. - Chú ý sắp xếp lại đa thức ở ý b. - Chú ý SGK – Trang 67.	Dạng 1. Thực hiện phép chia đa thức một biến. <i>Phương pháp giải:</i> - Áp dụng quy tắc chia đa thức một biến đã sắp xếp (nếu đa thức chưa sắp xếp ta phải sắp xếp lại). Đặt tính chia rồi chia. Kết luận. Bài 1. (Bài 3 SGK)Tính : a)$(x^2 - 2x + 1) : (x - 1)$ b)$(-6x^3 + 1 - 5x^2) : (3x^2 + x - 1)$ Giải : a) <table><tr><td>$x^2 - 2x + 1$</td><td>$x - 1$</td></tr><tr><td>$x^2 - x$</td><td>$x - 1$</td></tr><tr><td>$-x + 1$</td><td></td></tr><tr><td>0</td><td></td></tr></table> Vậy $(x^2 - 2x + 1) : (x - 1) = x - 1$ b) Ta có: $-6x^3 + 1 - 5x^2 = -6x^3 - 5x^2 + 1$ <table><tr><td>$-6x^3 - 5x^2$</td><td>$+ 1$</td><td>$3x^2 + x - 1$</td></tr><tr><td>$-6x^3 - 2x^2 + 2x$</td><td></td><td>$-2x - 1$</td></tr><tr><td>$-3x^2 - 2x + 1$</td><td></td><td></td></tr><tr><td>$-3x^2 - x + 1$</td><td></td><td></td></tr><tr><td>$-x$</td><td></td><td></td></tr></table> Vậy $(-6x^3 + 1 - 5x^2) : (3x^2 + x - 1) = -2x - 1$ dư $-x$. Hay $(-6x^3 + 1 - 5x^2) = (3x^2 + x - 1) . (-2x - 1$	$x^2 - 2x + 1$	$x - 1$	$x^2 - x$	$x - 1$	$-x + 1$		0		$-6x^3 - 5x^2$	$+ 1$	$3x^2 + x - 1$	$-6x^3 - 2x^2 + 2x$		$-2x - 1$	$-3x^2 - 2x + 1$			$-3x^2 - x + 1$			$-x$		
$x^2 - 2x + 1$	$x - 1$																							
$x^2 - x$	$x - 1$																							
$-x + 1$																								
0																								
$-6x^3 - 5x^2$	$+ 1$	$3x^2 + x - 1$																						
$-6x^3 - 2x^2 + 2x$		$-2x - 1$																						
$-3x^2 - 2x + 1$																								
$-3x^2 - x + 1$																								
$-x$																								
* GV giao nhiệm vụ học tập - HS hoạt động nhóm chơi trò chơi.	Trò chơi : ” Đồng đội ” Nội dung : HS 4 nhóm viết một đa thức bị chia và một đa thức chia và thực hiện phép																							

Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung
- Gv lấy 1 phép chia hết bất kì trong trò chơi (nếu không có Gv lấy ví dụ chia hết) và HS trả lời câu hỏi: ? Giả sử ta có đẳng thức $A = B.Q + R$, Viết công thức tính B, Q, R? ? Giả sử cô xóa 1 hệ số bất kì của đa thức bị chia, làm thế nào để chúng ta xác định được hệ số này? * HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm thực hiện trò chơi. * Báo cáo, thảo luận - HS tổ chức chơi trò chơi. - HS kiểm tra, thảo luận kết quả của đội bạn. * Kết luận, nhận định - Các phép chia đúng trong trò chơi. - HS đọc cách tính B, Q, R. $A = B.Q + R \Rightarrow B = (A - R) : Q$ $Q = (A - R) : B ; R = A - B.Q$	chia, lưu lại kết quả (điều kiện phép chia phải thực hiện được, nếu bậc đa thức chia lớn hơn bậc đa thức bị chia thì trò chơi dừng lại, nhóm đó thua cuộc). Nhóm 1 đọc đa thức bị chia và đa thức chia cho các nhóm khác viết và tính. Nhóm nào cho kết quả nhanh nhất và đúng là nhóm chiến thắng. Nhóm 2,3,4 chơi tương tự. <i>Ví dụ cho câu hỏi mở rộng :</i> Giả sử có phép chia hết $(x^2 + 3x + 2) : (x + 1) = x + 2$ Vấn đề đặt ra : Tìm a biết đa thức $x^2 + ax + 2$ chia hết cho đa thức $x + 1$.
* GV giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp 4 nhóm. Nhóm 1,2 làm ý a bài 1. Nhóm 3, 4 làm ý b bài 1. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm và viết lời giải vào bảng nhóm. * Báo cáo, thảo luận - Các nhóm treo sản phẩm. GV cho nhận xét chéo. * Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức. - Lời giải của Bài 2.	Dạng 2 : Tìm đơn thức, đa thức thương, đa thức chia. Tìm hệ số chưa biết của đa thức. Phương pháp giải : - Áp dụng chú ý SGK : với hai đa thức tùy ý A và B của cùng một biến ($B \neq 0$) tồn tại duy nhất cặp đa thức Q và R sao cho $A = B.Q + R$. Bài 2 : a) Tìm đa thức B biết đa thức $A = 8x^3 + 2x^2 + x + 1$ cho đa thức được thương là $Q = 8x + 2$ và dư $R = -7x - 1$. b) Tìm a biết đa thức $x^2 + ax + 2$ chia hết cho đa thức $x + 1$. Giải : a) Ta có : tồn tại duy nhất cặp đa thức Q và R sao cho $A = B.Q + R$ Do đó $B = (A - R) : Q$

Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung										
	$\Rightarrow B = (8x^3 + 2x^2 + x + 1 + 7x + 1) : (8x + 2)$ $\Rightarrow B = (8x^3 + 2x^2 + 8x + 2) : (8x + 2)$ Thực hiện phép chia ta được										
	b) Thực hiện phép chia <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: right;">$x^2 + ax + 2$</td><td style="border-left: 1px solid black; text-align: right;">$x + 1$</td></tr> <tr> <td style="text-align: right;">$x^2 + x$</td><td style="border-left: 1px solid black; text-align: right;">$x + a - 1$</td></tr> <tr> <td style="border-top: 1px solid black; text-align: right;">$(a - 1)x + 2$</td><td style="border-left: 1px solid black;"></td></tr> <tr> <td style="text-align: right;">$(a - 1)x + a - 1$</td><td style="border-left: 1px solid black;"></td></tr> <tr> <td style="border-top: 1px solid black; text-align: right;">$3 - a$</td><td style="border-left: 1px solid black;"></td></tr> </table> Để đa thức chia hết cho đa thức $x + 1$ thì $3 - a = 0 \Rightarrow a = 3$.	$x^2 + ax + 2$	$x + 1$	$x^2 + x$	$x + a - 1$	$(a - 1)x + 2$		$(a - 1)x + a - 1$		$3 - a$	
$x^2 + ax + 2$	$x + 1$										
$x^2 + x$	$x + a - 1$										
$(a - 1)x + 2$											
$(a - 1)x + a - 1$											
$3 - a$											

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** Giải quyết bài toán có yếu tố thực tiễn.

b) **Nội dung:** Bài tập 6 SGK trang 67.

c) **Sản phẩm:** Lời giải bài tập 3.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
* GV giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: ? Nêu công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật? ? Muốn tính chiều cao của hình hộp chữ nhật ta thực hiện phép tính nào? - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi làm bài 6. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi. - HS thảo luận nhóm đôi làm bài 6. * Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS đứng tại chỗ trả lời 2 câu hỏi. - Gv gọi đại diện 1 nhóm đứng tại chỗ nêu cách làm. * Kết luận, nhận định - Thống nhất cách làm và kết quả bài 6.	Bài 3 : (Bài 6 SGK Trang 67) Một hình hộp chữ nhật có thể tích là $x^3 + 6x^2 + 11x + 6 (cm^3)$. Biết đáy là hình chữ nhật có các kích thước là $x + 1 (cm)$ và $x + 2 (cm)$. Tính chiều cao của hình hộp chữ nhật đó theo x. Giải : Diện tích đáy là hình hộp chữ nhật : $S = (x + 1)(x + 2) = x^2 + 3x + 2 (cm^2)$ Chiều cao hình hộp chữ nhật là : $h = \frac{V}{S} = (x^3 + 6x^2 + 11x + 6) : (x^2 + 3x + 2)$ $h = x + 3 (cm).$

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập trong SBT
- Chuẩn bị bài: Bài tập cuối chương VI.
- GV chia lớp thành 4 – 5 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị các nội dung để thực hiện vẽ sơ đồ tổng kết kiến thức
- HS chuẩn bị bài tập trang 68, 69.